

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 26-7-2017

Về việc tranh chấp xin ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Khánh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Huỳnh Minh Chiến.

2. Ông Dương Thanh Hải.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ân Tình là thư ký Tòa án nhân dân huyện H.

Ngày 26 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 142/2017/TLST- HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2017 về việc “Tranh chấp xin ly hôn”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 108/2017/QĐXXST- HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1981 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp L, xã A, huyện H, tỉnh Cà Mau.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1981 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp L, xã A, huyện H, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và bản tự khai ngày 25 tháng 5 năm 2017 chị Nguyễn Thị L trình bày:

Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn B đã tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1997, không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Chị L xác định trong đời sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do chồng thay đổi tính tình dẫn đến nhiều bất đồng trong cuộc sống vợ chồng. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị L yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh B.

Về con chung: Trong quá trình chung sống với nhau chị L và anh B có 04 người con chung tên: Nguyễn Thị Y, sinh ngày 21/8/2000; Nguyễn Thị M, sinh ngày 21/11/2001; Nguyễn Thị N, sinh ngày 27/02/2004 và Nguyễn Anh Q, sinh ngày 11/4/2006. Hiện nay các con đang sống với chị L. Sau khi ly hôn chị L yêu cầu được nuôi dưỡng các con và không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ thu, nợ trả: Chị L và anh B tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo đơn đề nghị vắng mặt ngày 25/5/2017 bị đơn anh Nguyễn Văn B trình bày:

Về hôn nhân: Anh B và chị L tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1997, không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong đời sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, tính tình vợ chồng không hòa hợp dẫn đến bất đồng trong đời sống vợ chồng. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị L yêu cầu ly hôn anh B đồng ý.

Về con chung: Trong quá trình chung sống với nhau anh B xác định có 04 người con chung tên, tuổi như chị L trình bày là đúng. Sau khi ly hôn các con có nguyện vọng theo ai thì người đó nuôi dưỡng, về cấp dưỡng nuôi con vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ thu, nợ trả: Anh B tự thỏa thuận với chị L không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Anh B yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt đối với anh B.

Đối với các cháu: Nguyễn Thị Y, sinh ngày 21/8/2000; Nguyễn Thị M, sinh ngày 21/11/2001; Nguyễn Thị N, sinh ngày 27/02/2004 và Nguyễn Anh Q, sinh ngày 11/4/2006. Các cháu đều có nguyện vọng theo chị L.

Tại phiên tòa hôm nay chị L vẫn bảo lưu quan điểm là: Yêu cầu xin được ly hôn với anh B. Về con chung yêu cầu được nuôi 04 người con, không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ thu, nợ trả vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh B có đơn xin xét xử vắng mặt nên không có ý kiến gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Văn B có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với anh B.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn B tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1997, không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn

nhân giữa chị Linh và anh B không được pháp luật thừa nhận. Chị L và anh B đều xác định trong cuộc sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn cự cãi, bất đồng quan điểm không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng được nên cả hai người đều đồng ý ly hôn. Tuy nhiên do chị L và anh B hôn nhân không có đăng ký kết hôn theo luật định. Căn cứ vào khoản 1, Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì giữa chị L và anh B không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng nên không được công nhận là vợ chồng.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn B xác định trong quá trình chung sống với nhau chị L và anh B có 04 người con chung tên: Nguyễn Thị Y sinh ngày 21/8/2000, Nguyễn Thị M sinh ngày 21/11/2001, Nguyễn Thị N sinh ngày 27/02/2004 và Nguyễn Anh Q sinh ngày 11/4/2006. Hiện nay các con đang sống với chị L. Xét thấy, cháu Y, cháu M, cháu N, cháu Q, các cháu đều đã hơn 07 tuổi và có đơn nguyện vọng theo mẹ là chị L và chị L cũng đồng ý nuôi các cháu. Căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Tiếp tục giao cháu Y, cháu M, cháu N, cháu Quốc cho chị L nuôi dưỡng là phù hợp. Chị L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không xem xét giải quyết. Anh B có quyền thăm nom, chăm sóc giáo dục con theo quy định của pháp luật.

[4] Về phần tài sản chung, nợ thu, nợ trả: Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn B tự thỏa thuận không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thương vụ Quốc Hội. Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị L phải nộp là: 300.000 đồng. Phần dự nộp của chị L được đối trừ.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn anh Nguyễn Văn B tại phiên tòa.

Áp dụng khoản 1, Điều 14, khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thương vụ Quốc Hội. Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn B là vợ chồng.

- Về con chung: Giao các con tên Nguyễn Thị Y sinh ngày 21/8/2000, Nguyễn Thị M sinh ngày 21/11/2001, Nguyễn Thị N sinh ngày 27/02/2004 và Nguyễn Anh Q

sinh ngày 11/4/2006, hiện nay đang sống với chị Nguyễn Thị L cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng theo nguyện vọng của các cháu. Việc cấp dưỡng nuôi con chị Nguyễn Thị L không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Anh Nguyễn Văn B có quyền thăm nom, chăm sóc giáo dục con theo quy định của pháp luật nhưng không được lạm dụng quyền thăm nom, chăm sóc giáo dục con để cản trở việc nuôi con của chị Nguyễn Thị L.

- Về tài sản chung, nợ thu, nợ trả: Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn B tự thỏa thuận không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải nộp án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là: 300.000 đồng. Phần dự nộp của chị Nguyễn Thị L 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0013641 ngày 25 tháng 5 năm 2017 được chuyển thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- VKS nhân dân huyện H;
- Chi cục THA dân sự huyện H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Lê Minh Khánh

